

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị năm 2025.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Cung cấp máy vi tính, máy in cho Văn phòng Bộ Tư pháp năm 2025.
- Giá gói thầu: 801.750.000 VND.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Tùy chọn mua thêm: Không.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Yêu cầu về chủng loại hàng hóa: tất cả các hàng hóa và vật tư sử dụng cho hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây, chưa qua sử dụng.
- Yêu cầu về tiêu chuẩn hàng hóa: tất cả các hàng hóa phải đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các yêu cầu về kỹ thuật.
- Yêu cầu về đóng gói, vận chuyển: tất cả các hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được vận chuyển đến địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Yêu cầu về lắp đặt hàng hóa: trong quá trình lắp đặt hàng hóa, nhà thầu phải đảm bảo an ninh, bí mật nhà nước.
- Yêu cầu về chứng nhận xuất xứ, chất lượng:

+) Đối với hàng hóa được sản xuất trong nước: Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận chất lượng và số lượng cho toàn bộ lô hàng hoặc từng đợt giao hàng do nhà sản xuất phát hành.

+) Đối với hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) khi giao hàng.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Nhà thầu phải có Bảng chào về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu cung cấp, trong đó thể hiện chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa. Tại bảng chào về thông số kỹ thuật phải có cột chỉ dẫn đến tài liệu tham chiếu đến trang, mục... của tài liệu tham chiếu (Catalog gốc của nhà sản xuất hoặc tài liệu kỹ thuật/tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật và bản dịch nội dung chứng minh bằng Tiếng Việt...). Trường hợp không có sự thống nhất giữa Bảng chào thông số kỹ thuật và các tài liệu tham chiếu thì Catalog gốc của nhà sản xuất và giải thích làm rõ của Nhà thầu sẽ là cơ sở để đánh giá.

- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải tuân thủ tương đương hoặc tốt hơn các thông số kỹ thuật tại bảng dưới đây. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà thầu cung cấp tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.

Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa

| Hạng mục | Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương | |
|-----------------|--|---------------------------|
| Máy in | | |
| Thông số | Phương pháp in | lazer đơn sắc |
| | Độ phân giải in | $\geq 600 \times 600$ dpi |
| | Tốc độ in A4 | ≥ 40 ppm |
| | Tốc độ in 2 mặt A4 | ≥ 33 ipm |
| | In 2 mặt tự động | Có |
| | Dung lượng khay giấy tiêu chuẩn | 250 tờ |
| | Dung lượng khay giấy tối đa | 900 tờ |

| Hạng mục | Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương | |
|--------------------------------|--|--|
| | Hộp mực tiêu chuẩn/nâng cao | 3000 đến 10200 trang |
| Phần mềm & Kết nối | Giao diện kết nối tiêu chuẩn | USB 2.0, 10Base-T/100Base-TX/1000Base-T |
| | Giao thức mạng | RAW, LPD, WSD-Print(IPv4 & IPv6) |
| | Bảo mật mạng | WPA, WPA2 |
| | Hệ điều hành hỗ trợ | Window 10/11, Window Server, MacOS, Linux, ChromeOS |
| Máy tính cá nhân để bàn | | |
| Thông số Phần cứng | Chủng loại, kiểu dáng | Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu của một nhà sản xuất |
| | Dạng vỏ thùng | Desktop mini hoặc micro hoặc tiny; Có kích thước các chiều: \leq (36mm x 178mm x 182mm) |
| | Bộ vi xử lý | 13th Generation Intel® core™ i3-13100T |
| | Chipset | Intel Q670 |
| | Bộ nhớ RAM | \geq 8 GB |
| | Ổ cứng SSD | \geq 512 GB SSD |
| | Card màn hình | Intel UHD Graphics 730 |
| | Phần mềm | Ubuntu/Linux |
| | Phụ kiện | Bàn phím/chuột đồng bộ của hãng |
| | Nguồn | 65 W AC adapter, 4.5 mm barrel |

| Hạng mục | Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương | |
|----------------|---|--|
| | Cổng kết nối | <p>Phía trước:</p> <p>2 USB 3.2 Gen 1 ports, 1 Universal audio jack</p> <p>Sau:</p> <p>1 RJ45 Ethernet port 1 optional video port (HDMI 2.1/DisplayPort 1.4a (HBR3)/VGA/USB Type-C with DisplayPort Alt mode + power delivery in) 1 optional PS2/Serial port 1 USB 2.0 port 1 USB 2.0 port with Smart Power On 2 USB 3.2 Gen 1 ports 1 DisplayPort 1.4a (HBR2) 1 HDMI 1.4b port (1920x1200@60Hz) 1 power-adapter port</p> <hr/> <p>1 M.2 2230 slot for Wi-Fi and Bluetooth card 1 slot for M.2 2230 or M.2 2280 SSD; PCIe Gen 3x4 1 SATA slot for 2.5-inch HDD</p> |
| Bảo mật | Các tính năng an ninh bảo mật có thể hỗ trợ | <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ Trusted Platform Module TPM 2.0 vật lý -Hỗ trợ Xóa dữ liệu ổ HDD an toàn (Secure Wipe) - Có cảnh báo khi mở nắp thùng máy Quản lý BIOS dựa trên chứng chỉ - Có Mô đun bảo vệ BIOS, giúp ngăn chặn phần mềm và malware tấn công vào BIOS máy tính - Tích hợp công nghệ bảo vệ BIOS, tự động khôi phục BIOS khi bị hỏng hoặc bị tấn công (Self-healing BIOS) |

| Hạng mục | Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương | |
|--|---|---|
| | | - Hỗ trợ công cụ chính hãng máy tính, bảo vệ BIOS qua xác thực với thông tin BIOS đang lưu tại nhà sản xuất |
| | | - Hỗ trợ công cụ chính hãng máy tính, có khả năng lưu lại thông tin bản BIOS bị hỏng hay bị tấn công để có thể dùng cho công việc phân tích, đánh giá nguyên nhân |
| Tiện ích | | - Tự động tối ưu hóa hiệu suất của các ứng dụng thông qua máy học (Machine learning) |
| | | - Hỗ trợ chia màn hình thành các khung hình nhỏ khác nhau tiện cho làm việc đa nhiệm. |
| | | Cải thiện chất lượng âm thanh của cuộc họp trực tuyến bằng cách lựa chọn cấu hình phù hợp như yên lặng, nhiều tiếng ồn, nhiều tiếng nói hoặc khi cần thu âm. |
| | | - Lựa chọn và kết nối với mạng có chất lượng tốt nhất, ưu tiên lưu lượng mạng cho các ứng dụng hội họp |
| Thông số kỹ thuật màn hình đi kèm | Độ phân giải | FHD 1920x1080 |
| | Kích thước | ≥ 23.8 inches |
| | Tỉ lệ khung hình | 16:9 |
| | Tỉ lệ tương phản | 1000:1 |
| | Góc nhìn | ≥170° |
| | VGA, HDMI, DP | Có |

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu về tính an toàn, bảo mật thông tin

Nhà thầu có cam kết về việc các hàng hóa cung cấp cho gói thầu không có lỗ hổng bảo mật, không chứa mã độc, chịu trách nhiệm cung cấp, lắp đặt, cài đặt máy móc, thiết bị và

tích hợp máy móc, thiết bị thành công với hệ thống hiện hữu của bên mời thầu đảm bảo hệ thống hoạt động thống nhất, ổn định.

1.3.2. Yêu cầu về dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; bảo hành

- Đơn vị cung cấp dịch vụ cần đảm bảo phương án hỗ trợ kỹ thuật sau triển khai bao gồm hỗ trợ từ xa hoặc tại chỗ.

- Đơn vị cung cấp dịch vụ có đội ngũ hỗ trợ, có số hotline hỗ trợ.

- Các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành bao gồm:

+ Triển khai lắp đặt và cài đặt: Lắp đặt, cài đặt hàng hóa;

+ Thời gian bảo hành: trong thời gian 12 tháng (kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng). Đối với các thiết bị có thời gian bảo hành lớn hơn 12 tháng theo quy định của nhà sản xuất (kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng) thì thực hiện chế độ bảo hành theo chính sách của nhà sản xuất.

+ Đơn vị cung cấp dịch vụ cần sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, sửa lỗi phát sinh trong quá trình vận hành, sử dụng: Bảo hành, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong thời gian bảo hành kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu, đưa vào sử dụng.

+ Đơn vị cung cấp dịch vụ cần cam kết thời gian cán bộ kỹ thuật của nhà thầu có mặt tại nơi cài đặt để thực hiện việc bảo hành khi hàng hóa có sự cố ≤ 4 giờ kể từ khi tiếp nhận yêu cầu của chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Kiểm tra

Các kiểm tra cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra về số lượng, hình thức vật lý bên ngoài của các hàng hóa;

- Kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (CQ) và các giấy tờ liên quan đến vật tư, hàng hóa nêu trong hợp đồng trước khi đưa vào lắp đặt;

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật của các vật tư, hàng hóa so với các thông tin ghi trong hợp đồng trước khi đưa vào lắp đặt, cài đặt.

- Kiểm tra tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo trì của nhà cung cấp (bản Tiếng Anh hoặc tiếng Việt).(nếu có).

- Kiểm tra lắp đặt hàng hóa.

3.2. Thử nghiệm

Sau khi kiểm tra các nội dung trên đạt yêu cầu, có biên bản nghiệm thu, bàn giao phần cài đặt, nhà thầu tiến hành vận hành thử nghiệm và hướng dẫn sử dụng. Sau khi hoàn thành hai bên tổ chức vận hành chạy thử liên tục 72 giờ để đánh giá.